

Số: 05/2023/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 13 tháng 7 năm 2023

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định nội dung, định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG  
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 9**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 202/TTr-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định nội dung, định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà*

nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Báo cáo thẩm tra số 37/BC-HĐND ngày 27 tháng 6 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

#### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị quyết này quy định nội dung, định mức xây dựng dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

#### **2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ; cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức cá nhân khác có liên quan.

### **Điều 2. Định mức làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước**

#### **1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

a) Định mức chi thù lao cho các chức danh (chủ nhiệm nhiệm vụ; thư ký khoa học) hoặc nhóm chức danh (thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ) thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ được tính theo số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ, cụ thể như sau:

#### **Bảng 1. Định mức chi thù lao cho các chức danh hoặc nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| Số TT | Nội dung                        | Đơn vị tính | Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh | Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở |
|-------|---------------------------------|-------------|-------------------------|--------------------------|
| 1     | Chủ nhiệm nhiệm vụ              | Người/tháng | 32.000                  | 16.000                   |
| 2     | Thành viên chính                | Người/tháng | 25.600                  | 12.800                   |
| 3     | Thành viên                      | Người/tháng | 12.800                  | 6.400                    |
| 4     | Thư ký khoa học                 | Người/tháng | 9.600                   | 4.800                    |
| 5     | Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ | Người/tháng | 6.400                   | 3.200                    |

b) Dự toán chi thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ để thực hiện các công việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN được tính theo công thức sau:

$$TL_{CN} = DM_{CN} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

-  $TL_{CN}$ : Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ.

-  $DM_{CN}$ : Định mức thù lao theo tháng của chủ nhiệm nhiệm vụ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

- T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

c) Dự toán chi thù lao của thư ký khoa học để thực hiện các công việc theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 3 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN được tính theo công thức sau:

$$TL_{TK} = DM_{TK} \times 20\% \times T$$

Trong đó:

-  $TL_{TK}$ : Thù lao của thư ký khoa học;

-  $DM_{TK}$ : Định mức thù lao theo tháng của thư ký khoa học theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

- T: Tổng thời gian thực hiện nhiệm vụ (tháng).

d) Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh (thành viên chính, thành viên, kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ) được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = DM_{NCD} \times \Sigma t_{NCD}$$

Trong đó:

-  $TL_{NCD}$ : Tổng thù lao của nhóm chức danh.

-  $DM_{NCD}$ : Định mức thù lao theo tháng của nhóm chức danh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

-  $\Sigma t_{NCD}$ : Tổng số tháng quy đổi tham gia thực hiện nhiệm vụ của nhóm chức danh.

đ) Dự toán chi thù lao của nhóm chức danh cho số ngày quy đổi không đủ tháng được tính theo công thức sau:

$$TL_{NCD} = DM_{NCD} \times (\Sigma t_n / 22)$$

Trong đó:

-  $TL_{NCD}$ : Tổng thù lao của nhóm chức danh.

-  $DM_{NCD}$ : Định mức thù lao theo tháng của nhóm chức danh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

-  $\Sigma t_n$ : Tổng số ngày quy đổi không đủ tháng mà nhóm chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ ( $t_n < 22$ ).

## 2. Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ

Trong trường hợp cần thuê lao động phổ thông phục vụ triển khai nhiệm vụ, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ căn cứ nội dung yêu cầu công việc cần thuê lao động, thuyết minh kết quả dự kiến của việc thuê lao động và lập dự toán chi tiết trong thuyết minh nhiệm vụ.

Dự toán chi tiền công thuê lao động phổ thông được tính theo mức tiền lương tối thiểu vùng cao nhất tính theo ngày do Nhà nước quy định tại thời điểm

xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (mức tiền công thuê theo ngày tính theo mức lương tháng chia cho 22 ngày).

3. Dự toán thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ

Dự toán thuê chuyên gia trong nước, chuyên gia ngoài nước phối hợp nghiên cứu, thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 03/2023/TT-BTC.

4. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang; Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí.

Ngoài ra, Nghị quyết này quy định mức xây dựng dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

a) Người chủ trì: 1.600.000 đồng/buổi hội thảo.

b) Thư ký hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 400.000 đồng/buổi.

c) Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 2.400.000 đồng/báo cáo.

d) Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo: 1.200.000 đồng/báo cáo.

đ) Thành viên tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học: 240.000 đồng/thành viên/buổi.

5. Dự toán chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định nội dung chi và mức chi thực hiện các cuộc điều tra thống kê trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

6. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi bằng 50% mức chi cho hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 3 Nghị quyết này.

7. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung phục vụ nhiệm vụ khoa học và công nghệ để đảm bảo triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng không quá 240.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và không quá 120.000.000 đồng/nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

### **Điều 3. Định mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

**Bảng 2. Mức chi tiền thù lao của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| Số TT    | Nội dung công việc                                                           | Đơn vị tính                | Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh | Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở |
|----------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|--------------------------|
| <b>1</b> | <b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>                    |                            |                         |                          |
| <b>a</b> | Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ              | Hội đồng                   |                         |                          |
|          | Chủ tịch hội đồng                                                            |                            | 1.200                   | 600                      |
|          | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng                                   |                            | 800                     | 400                      |
|          | Thư ký khoa học                                                              |                            | 240                     | 120                      |
|          | Thư ký hành chính                                                            |                            | 240                     | 120                      |
|          | Đại biểu được mời tham dự                                                    |                            | 160                     | 80                       |
| <b>b</b> | Chi nhận xét đánh giá                                                        | 01 phiếu nhận xét đánh giá |                         |                          |
|          | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng                                       |                            | 400                     | 200                      |
|          | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng                       |                            | 560                     | 280                      |
| <b>c</b> | Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện | Nhiệm vụ                   |                         |                          |
|          | Chủ tịch hội đồng                                                            |                            | 560                     | 280                      |
|          | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng                                   |                            | 400                     | 200                      |

| Số TT | Nội dung công việc                                                                                         | Đơn vị tính                | Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh | Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------|--------------------------|
| 2     | <b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>    |                            |                         |                          |
| a     | Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Hội đồng                   |                         |                          |
|       | Chủ tịch Hội đồng                                                                                          |                            | 1.440                   | 720                      |
|       | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng                                                                 |                            | 1.200                   | 600                      |
|       | Thư ký khoa học                                                                                            |                            | 240                     | 120                      |
|       | Thư ký hành chính                                                                                          |                            | 240                     | 120                      |
|       | Đại biểu được mời tham dự                                                                                  |                            | 160                     | 80                       |
| b     | Chi nhận xét đánh giá                                                                                      | 01 phiếu nhận xét đánh giá |                         |                          |
|       | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng                                                                     |                            | 560                     | 280                      |
|       | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng                                                     |                            | 800                     | 400                      |
| 3     | <b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>                            |                            |                         |                          |
| a     | Chi hợp Hội đồng nghiệm thu                                                                                | Nhiệm vụ                   |                         |                          |
|       | Chủ tịch hội đồng                                                                                          |                            | 1.440                   | 720                      |
|       | Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng                                                                 |                            | 1.200                   | 600                      |
|       | Thư ký khoa học                                                                                            |                            | 240                     | 120                      |
|       | Thư ký hành chính                                                                                          |                            | 240                     | 120                      |
|       | Đại biểu được mời tham dự                                                                                  |                            | 160                     | 80                       |
| b     | Chi nhận xét đánh giá                                                                                      | 01 phiếu nhận xét đánh giá |                         |                          |

| Số TT | Nội dung công việc                                                                         | Đơn vị tính | Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh | Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở |
|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------|--------------------------|
|       | Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng                                                     |             | 560                     | 280                      |
|       | Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng                                     |             | 800                     | 400                      |
| 4     | <b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng.</b> | Chuyên gia  | 1.200                   | 600                      |

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

**Bảng 3. Định mức chi tiền thù lao của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

| Số TT | Nội dung                  | Đơn vị tính | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh | Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở |
|-------|---------------------------|-------------|-----------------------------------------|------------------------------------------|
| 1     | Tổ trưởng tổ thẩm định    | Nhiệm vụ    | 800                                     | 400                                      |
| 2     | Thành viên tổ thẩm định   | Nhiệm vụ    | 560                                     | 280                                      |
| 3     | Thư ký hành chính         | Nhiệm vụ    | 240                                     | 120                                      |
| 4     | Đại biểu được mời tham dự | Nhiệm vụ    | 160                                     | 80                                       |

3. Dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập

Các trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi công tác kiểm tra, đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; kiểm tra, đánh giá sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ:

a) Dự toán chi công tác phí cho đoàn kiểm tra đánh giá được xây dựng theo

quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi về công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

b) Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

5. Đối với các Chương trình khoa học và công nghệ cấp tỉnh có thành lập các Ban Chủ nhiệm chương trình theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Mức chi các cuộc họp định kỳ và đột xuất của Ban Chủ nhiệm áp dụng theo mức chi của Hội đồng tư vấn tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

**Điều 4. Các nội dung chi, định mức chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

Các nội dung, định mức chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cụ thể như sau:

**Bảng 4. Các nội dung chi khác liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ**

*Đơn vị tính: đồng*

| Số TT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                              | Đơn vị tính        | Định mức chi                                                   |
|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------------------------------|
| 1     | Khoán tiền phương tiện đi lại hỗ trợ hoạt động chuyên môn của thành viên Hội đồng khoa học và công nghệ; công chức các cơ quan có liên quan đến công tác quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Tháng/<br>người    | 500.000                                                        |
| 2     | Chi thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:                                                                                                 |                    |                                                                |
| a     | Tổ trưởng tổ thẩm định                                                                                                                                                                          | Người/<br>nhiệm vụ | 500.000                                                        |
| b     | Thành viên                                                                                                                                                                                      | Người/<br>nhiệm vụ | 300.000                                                        |
| 3     | Chi văn phòng phẩm                                                                                                                                                                              | -                  | Chi theo thực tế phát sinh nhưng không quá 10.000.000 đồng/năm |
| 4     | Chi in ấn, cước bưu chính                                                                                                                                                                       | -                  | Chi theo thực tế phát sinh nhưng không quá 20.000.000 đồng/năm |

| Số TT | Nội dung công việc                                         | Đơn vị tính | Định mức chi                                                                                                                                                                                                                  |
|-------|------------------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 5     | Chi tiền nước uống cho các thành viên tham dự các cuộc họp | Người/buổi  | 20.000                                                                                                                                                                                                                        |
| 6     | Chi hậu cần phục vụ họp Hội đồng                           | Người/cuộc  | 50.000 (tối đa không quá 02 người/cuộc)                                                                                                                                                                                       |
| 7     | Chi làm thêm giờ                                           | Người       | Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 55 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. |

#### **Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguồn chi sự nghiệp khoa học và công nghệ thuộc ngân sách tỉnh.
2. Kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
3. Kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác.

#### **Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

#### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2023/TT-BTC, Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

Trong quá trình thực hiện nếu các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khoá X, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính Phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: KH&CN, Tài chính, Tư pháp;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c Ủy viên BTV Tỉnh ủy;
- UBND, UB. MTTQVN tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH&HĐND; UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Bình**